

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016  
(đã được soát xét)

## CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN

Số 115, tổ 5 đường Láng, phường Láng Hạ,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

---

### NỘI DUNG

|  | Trang |
|--|-------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc                              | 02-03 |
| Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ          | 04    |
| Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét   | 05-29 |
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ                 | 05-06 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ | 07    |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ           | 08    |
| Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ        | 09-29 |



## CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN

Số 115, tổ 5 đường Láng, phường Láng Hạ,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tài Nguyên (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tài Nguyên (tiền thân là Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Tài Nguyên) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103018230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 07 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười ba ngày 25 tháng 02 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 115, tổ 5 đường Láng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Văn phòng giao dịch của Công ty được đặt tại: Tầng 19, tòa nhà Thăng Long, số 98 phố Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

|                     |            |                          |
|---------------------|------------|--------------------------|
| Ông Nguyễn Gia Long | Chủ tịch   |                          |
| Ông Nguyễn Sơn Hiền | Thành viên | Từ nhiệm ngày 22/04/2016 |
| Ông Nguyễn Bá Huấn  | Thành viên |                          |
| Ông Nguyễn Gia Minh | Thành viên |                          |
| Ông Đoàn Năng Tuấn  | Thành viên |                          |
| Ông Nguyễn Gia Khoa | Thành viên | Bỏ nhiệm ngày 22/04/2016 |

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

|                    |                   |
|--------------------|-------------------|
| Ông Vũ Tuấn Hoàng  | Tổng Giám đốc     |
| Ông Nguyễn Bá Huấn | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Đoàn Năng Tuấn | Phó Tổng Giám đốc |

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

|                   |            |                            |
|-------------------|------------|----------------------------|
| Bà Lâm Thị Thúy   | Trưởng ban |                            |
| Bà Trần Thị Trâm  | Thành viên |                            |
| Bà Hà Huyền Trang | Thành viên |                            |
| Ông Tạ Quang Huy  | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 22/04/2016 |

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN

Số 115, tổ 5 đường Láng, phường Láng Hạ,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Vũ Tuấn Hoàng**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2016

Số: 1712/2016/BC.KTTC-AASC.KT2

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tài Nguyên**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tài Nguyên được lập ngày 20 tháng 07 năm 2016, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tài Nguyên tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Nguyễn Thanh Tùng**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN**

Số 115, tổ 5 đường Láng, phường Láng Hạ,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

| Mã số      | TÀI SẢN                                     | Thuyết minh | 30/06/2016             | 01/01/2016             |
|------------|---|-------------|------------------------|------------------------|
|            |   |             | VND                    | VND                    |
| <b>100</b> | <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                  |             | <b>152.895.161.640</b> | <b>111.522.030.492</b> |
| 110        | I. Tiền và các khoản tương đương tiền       | 3           | 3.418.720.915          | 1.032.261.797          |
| 111        | 1. Tiền                                     |             | 405.804.248            | 1.032.261.797          |
| 112        | 2. Các khoản tương đương tiền               |             | 3.012.916.667          | -                      |
| 130        | III. Các khoản phải thu ngắn hạn            |             | 149.438.179.128        | 110.451.507.098        |
| 131        | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng         | 5           | 92.631.401.454         | 29.081.017.098         |
| 132        | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn         | 6           | 3.405.000.000          | 3.405.000.000          |
| 136        | 3. Phải thu ngắn hạn khác                   | 7           | 53.903.570.160         | 78.494.782.486         |
| 137        | 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi       |             | (501.792.486)          | (529.292.486)          |
| 150        | V. Tài sản ngắn hạn khác                    |             | 38.261.597             | 38.261.597             |
| 152        | 1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ      |             | 32.434.155             | 32.434.155             |
| 153        | 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 12          | 5.827.442              | 5.827.442              |
| <b>200</b> | <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                   |             | <b>258.439.619.755</b> | <b>82.198.550.000</b>  |
| 210        | I. Các khoản phải thu dài hạn               |             | 228.875.550.000        | 54.118.550.000         |
| 216        | 1. Phải thu dài hạn khác                    | 7           | 228.875.550.000        | 54.118.550.000         |
| 220        | II. Tài sản cố định                         |             | -                      | -                      |
| 227        | 1. Tài sản cố định vô hình                  |             | -                      | -                      |
| 228        | - Nguyên giá                                |             | 47.365.000             | 47.365.000             |
| 229        | - Giá trị hao mòn lũy kế                    |             | (47.365.000)           | (47.365.000)           |
| 240        | IV. Tài sản dở dang dài hạn                 |             | 1.380.823.636          | -                      |
| 242        | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang          | 9           | 1.380.823.636          | -                      |
| 250        | V. Đầu tư tài chính dài hạn                 | 4           | 28.080.000.000         | 28.080.000.000         |
| 253        | 1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác           |             | 28.080.000.000         | 28.080.000.000         |
| 260        | VI. Tài sản dài hạn khác                    |             | 103.246.119            | -                      |
| 261        | 1. Chi phí trả trước dài hạn                | 10          | 103.246.119            | -                      |
| <b>270</b> | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                    |             | <b>411.334.781.395</b> | <b>193.720.580.492</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN**

Số 115, tổ 5 đường Láng, phường Láng Hạ,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội


**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016  
(tiếp theo)

| Mã số      | NGUỒN VỐN   | Thuyết minh | 30/06/2016             | 01/01/2016             |
|------------|---|-------------|------------------------|------------------------|
|            |   |             | VND                    | VND                    |
| <b>300</b> | <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                                 |             | <b>139.155.642.555</b> | <b>93.583.882.494</b>  |
| <b>310</b> | <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                                 |             | <b>139.155.642.555</b> | <b>93.583.882.494</b>  |
| 311        | 1. Phải trả người bán ngắn hạn                        | 11          | 124.636.068.511        | 67.676.840.356         |
| 312        | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                  |             | -                      | 43.970.000             |
| 313        | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                | 12          | 861.961.184            | 559.140.568            |
| 314        | 4. Phải trả người lao động                            |             | 161.800.000            | 487.950.205            |
| 315        | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                          | 13          | 1.554.450.075          | 375.000.000            |
| 319        | 6. Phải trả ngắn hạn khác                             | 14          | 11.941.362.785         | 24.440.981.365         |
| <b>400</b> | <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                              |             | <b>272.179.138.840</b> | <b>100.136.697.998</b> |
| <b>410</b> | <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                              | <b>15</b>   | <b>272.179.138.840</b> | <b>100.136.697.998</b> |
| 411        | 1. Vốn góp của chủ sở hữu                             |             | 255.000.000.000        | 85.000.000.000         |
| 411a       | <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>         |             | 255.000.000.000        | 85.000.000.000         |
| 412        | 2. Thặng dư vốn cổ phần                               |             | 2.019.000.000          | 2.165.000.000          |
| 421        | 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                  |             | 9.501.310.349          | 7.243.018.658          |
| 421a       | <i>LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước</i> |             | 7.290.143.307          | 130.328.068            |
| 421b       | <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>                     |             | 2.211.167.042          | 7.112.690.590          |
| 429        | 4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát                    |             | 5.658.828.491          | 5.728.679.340          |
| <b>440</b> | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                            |             | <b>411.334.781.395</b> | <b>193.720.580.492</b> |

  
Vũ Thị Hồng Nhung  
Người lập

  
Vũ Thị Hồng Nhung  
Kế toán trưởng



Vũ Tuấn Hoàng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN**


Số 115, tổ 5 đường Láng, phường Láng Hạ,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội


Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

| Mã số | CHỈ TIÊU   | Thuyết minh | 6 tháng đầu năm      | 6 tháng đầu năm      |
|-------|--|-------------|----------------------|----------------------|
|       |  |             | 2016                 | 2015                 |
|       |  |             | VND                  | VND                  |
| 01    | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ              | 16          | 71.510.009.414       | 67.486.657.320       |
| 02    | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                        |             | -                    | -                    |
| 10    | 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ        |             | 71.510.009.414       | 67.486.657.320       |
| 11    | 4. Giá vốn hàng bán                                    | 17          | 67.140.227.503       | 67.172.305.238       |
| 20    | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ       |             | 4.369.781.911        | 314.352.082          |
| 21    | 6. Doanh thu hoạt động tài chính                       | 18          | 21.829.976           | 122.733              |
| 24    | 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết |             | -                    | -                    |
| 25    | 9. Chi phí bán hàng                                    |             | 21.394.465           | -                    |
| 26    | 10 Chi phí quản lý doanh nghiệp                        | 19          | 1.163.422.402        | (1.403.227.882)      |
| 30    | 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh            |             | 3.206.795.020        | 1.717.702.697        |
| 31    | 12. Thu nhập khác                                      |             | -                    | -                    |
| 32    | 13. Chi phí khác                                       | 20          | 1.018.354.178        | 265.456.712          |
| 40    | 14. Lợi nhuận khác                                     |             | (1.018.354.178)      | (265.456.712)        |
| 50    | 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                  |             | 2.188.440.842        | 1.452.245.985        |
| 51    | 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành       | 21          | -                    | 17.763.272           |
| 52    | 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại        |             | -                    | -                    |
| 60    | 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp           |             | <u>2.188.440.842</u> | <u>1.434.482.713</u> |
| 61    | 19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ                  |             | 2.211.167.042        | 1.347.475.653        |
| 62    | 20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát     |             | (22.726.200)         | 87.007.060           |
| 70    | 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                           | 22          | 98                   | 159                  |

CT  
HẠN  
TOÁN  
3C  
HÀ NỘI

  
Vũ Thị Hồng Nhung  
Người lập

  
Vũ Thị Hồng Nhung  
Kế toán trưởng

  
  
Vũ Tuấn Hoàng  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2016



**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN**

Số 115, tổ 5 đường Láng, phường Láng Hạ,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**


cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016


(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số | CHỈ TIÊU   | Thuyết minh | 6 tháng đầu năm      | 6 tháng đầu năm      |
|-------|--|-------------|----------------------|----------------------|
|       |  |             | 2016                 | 2015                 |
|       |  |             | VND                  | VND                  |
|       | <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>  |             |                      |                      |
| 01    | 1. Lợi nhuận trước thuế  |             | 2.188.440.842        | 1.452.245.985        |
|       | 2. Điều chỉnh cho các khoản  |             |                      |                      |
| 03    | - Các khoản dự phòng   |             | (27.500.000)         | (1.848.207.514)      |
| 05    | - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  |             | (21.829.976)         | (122.733)            |
| 08    | 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                                 |             | 2.139.110.866        | (396.084.262)        |
| 09    | - Tăng, giảm các khoản phải thu  |             | (38.960.384.356)     | (62.258.307.793)     |
| 11    | - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) |             | 44.190.936.425       | 64.638.499.545       |
| 12    | - Tăng, giảm chi phí trả trước   |             | (103.246.119)        | -                    |
| 20    | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh  |             | 7.266.416.816        | 1.984.107.490        |
|       | <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>   |             |                      |                      |
| 25    | 1. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (*)   |             | (174.747.000.000)    | -                    |
| 27    | 2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia   |             | 13.042.302           | 122.733              |
| 30    | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư  |             | (174.733.957.698)    | 122.733              |
|       | <b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>  |             |                      |                      |
| 31    | 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                                   |             | 169.854.000.000      | -                    |
| 40    | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính   |             | 169.854.000.000      | -                    |
| 50    | Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ   |             | 2.386.459.118        | 1.984.230.223        |
| 60    | Tiền và tương đương tiền đầu kỳ  |             | 1.032.261.797        | 27.952.072           |
| 70    | Tiền và tương đương tiền cuối kỳ   | 3           | <u>3.418.720.915</u> | <u>2.012.182.295</u> |

(\*) Bản chất là tiền chi để góp vốn thực hiện các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) trong dài hạn.

  
Vũ Thị Hồng Nhung  
Người lập

  
Vũ Thị Hồng Nhung  
Kế toán trưởng

  
Vũ Tuấn Hoàng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2016

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tài Nguyên (tiền thân là Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Tài Nguyên) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103018230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 07 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười ba ngày 25 tháng 02 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 115, tổ 5 đường Láng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Văn phòng giao dịch của Công ty được đặt tại: Tầng 19, tòa nhà Thăng Long, số 98 phố Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 255.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 255.000.000.000 đồng; tương đương 25.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2016 là 12 người (tại ngày 31/12/2015 là 06 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là bán buôn vật liệu xây dựng và kinh doanh dịch vụ bất động sản.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản (dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ đầu giá bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản).
- Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng, bạc, đá quý và kim loại Nhà nước cấm);
- Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);

#### Cấu trúc Tập đoàn

- Tổng số Công ty con: 01 Công ty
- + Số lượng Công ty con được hợp nhất: 01 công ty
- + Số lượng Công ty con không được hợp nhất: Không có
- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2016 bao gồm:

| Tên công ty  | Địa chỉ | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính   |
|--|---------|---------------|------------------------|--|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Tài Nguyên | Hà Nội  | 51,00%        | 51,00%                 | Kinh doanh dịch vụ Bất động sản, bán buôn nông lâm sản nguyên liệu |

1105 -  
CÔNG TY  
KIỂM TOÁN  
KIỂM TOÁN  
ASC  
KIỂM - T

## CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN

Số 115, tổ 5 đường Láng, phường Láng Hạ,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

##### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

#### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

#### 2.4 . Công cụ tài chính

##### *Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN

Số 115, tổ 5 đường Láng, phường Láng Hạ,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

*Các khoản đầu tư vào các công ty con* mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh".

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

### 2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

010011  
CÔNG  
TRÁCH NHIỆM  
LÁNG KIỂ  
AA  
DÀN KIỂM

## CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN

Số 115, tổ 5 đường Láng, phường Láng Hạ,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

### 2.8 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, tùy theo từng trường hợp kế toán tiếp tục thực hiện đối với các hình thức cụ thể như sau:

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC thông báo từ BCC. Hoặc phân chia sản phẩm phụ thuộc vào khả năng có lợi nhất.

Thông tin chi tiết liên quan đến các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) xem tại Thuyết minh số 7b.

### 2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### 2.10 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

### 2.11 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

DS - C.T.  
TY  
HỮU HẠN  
KẾ TOÁN  
SC  
TP. HÀ NỘI

## CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN

Số 115, tổ 5 đường Láng, phường Láng Hạ,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

### 2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

### 2.13 . Doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### 2.14 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

### 2.15 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN

Số 115, tổ 5 đường Láng, phường Láng Hạ,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

### 2.16 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ

### 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

|                                 | <u>30/06/2016</u>           | <u>01/01/2016</u>           |
|---------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
|                                 | VND                         | VND                         |
| Tiền mặt                        | 375.727.489                 | 1.008.484.249               |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 30.076.759                  | 23.777.548                  |
| Các khoản tương đương tiền      | 3.012.916.667               | -                           |
|                                 | <u><u>3.418.720.915</u></u> | <u><u>1.032.261.797</u></u> |

Tại 30/06/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng được gửi tại ngân hàng thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - TTKD với lãi suất 5%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN**

Số 115, tổ 5 đường Láng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****đ) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

|  | 30/06/2016            |                 | 01/01/2016            |                 |
|--|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
|  | Giá gốc<br>VND        | Dự phòng<br>VND | Giá gốc<br>VND        | Dự phòng<br>VND |
| Đầu tư vào đơn vị khác                       | 28.080.000.000        | -               | 28.080.000.000        | -               |
| - Công ty Cổ phần Xây dựng Tài Nguyên Hà Nội | 28.080.000.000        | -               | 28.080.000.000        | -               |
|  | <b>28.080.000.000</b> | <b>-</b>        | <b>28.080.000.000</b> | <b>-</b>        |

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Đầu tư vào đơn vị khác**

| Tên Công ty                                  | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ biểu quyết |
|--|----------------------------|---------------|------------------|
| - Công ty Cổ phần Xây dựng Tài Nguyên Hà Nội | Hà Nội                     | 18,72%        | 18,72%           |

Trước đây Công ty Cổ phần Tài Nguyên nắm giữ tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết là 92% tại Công ty Cổ phần Xây dựng Tài Nguyên Hà Nội. Tuy nhiên, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần Xây dựng Tài Nguyên Hà Nội số 0104562719 thay đổi lần thứ sáu ngày 01 tháng 04 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn pháp định và vốn điều lệ của Công ty lần lượt là 6.000.000.000 đồng và 150.000.000.000 đồng. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xây dựng Tài Nguyên Hà Nội tăng từ 30 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng. Công ty Cổ phần Tài Nguyên nắm giữ 2.808.000 cổ phần tương ứng 18,72% và không còn quyền kiểm soát tại Công ty Cổ phần Xây dựng Tài Nguyên Hà Nội. Vì vậy khoản đầu tư này được trình bày là khoản đầu tư dài hạn khác thay vì khoản đầu tư vào công ty con như trước đây.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN**Số 115, tổ 5 đường Láng, phường Láng Hạ,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

|  | 30/06/2016            | 01/01/2016            |
|--|-----------------------|-----------------------|
|  | VND                   | VND                   |
| <b>Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b> |                       |                       |
| - Công ty TNHH Long Phát   | 20.700.000.000        | 24.700.000.000        |
| - Công ty TNHH Phát triển Ngọc Linh                                  | 15.209.744.083        | -                     |
| - Công ty TNHH Tân Cường   | 7.485.843.532         | -                     |
| - Công ty TNHH Đá Trường Hải   | 12.393.463.097        | -                     |
| - Công ty TNHH Đá Châu Âu  | 13.291.093.486        | -                     |
| - Công ty TNHH Đá Quốc Tế  | 13.269.112.499        | -                     |
| - Các khoản phải thu khách hàng khác                                 | 10.282.144.757        | 4.381.017.098         |
|  | <b>92.631.401.454</b> | <b>29.081.017.098</b> |

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

|   | 30/06/2016           |                      | 01/01/2016           |                      |
|---|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
|   | Giá trị              | Dự phòng             | Giá trị              | Dự phòng             |
|   | VND                  | VND                  | VND                  | VND                  |
| Công ty Cổ phần<br>Tư vấn Đầu tư Phát<br>triển và Xây dựng<br>THIKECO | 455.000.000          | -                    | 455.000.000          | (227.500.000)        |
| Công ty Cổ phần<br>Đầu tư BĐS và<br>Kiểm định Xây<br>dựng Việt Nam    | 175.000.000          | (175.000.000)        | 175.000.000          | (175.000.000)        |
| Liên đoàn Bản đồ<br>Địa chất Miền Bắc                                 | 100.000.000          | (100.000.000)        | 100.000.000          | (100.000.000)        |
| Công ty Cổ phần<br>Chứng khoán SME                                    | 25.000.000           | (25.000.000)         | 25.000.000           | (25.000.000)         |
| Công ty TNHH SX<br>TM Dịch Vụ Kim<br>Kim Dung                         | 2.650.000.000        | -                    | 2.650.000.000        | -                    |
|   | <b>3.405.000.000</b> | <b>(300.000.000)</b> | <b>3.405.000.000</b> | <b>(527.500.000)</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN**

Số 115, tổ 5 đường Láng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

|   | 30/06/2016            |                      | 01/01/2016            |                    |
|---|-----------------------|----------------------|-----------------------|--------------------|
|   | Giá trị<br>VND        | Dự phòng<br>VND      | Giá trị<br>VND        | Dự phòng<br>VND    |
| a) Ngắn hạn   |                       |                      |                       |                    |
| - Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay              | 8.787.674             | -                    | -                     | -                  |
| - Tạm ứng   | 14.875.490.000        | -                    | 49.675.490.000        | -                  |
| <i>Nguyễn Bá Huấn</i>                                 | 7.625.490.000         | -                    | 10.550.000.000        | -                  |
| <i>Nguyễn Gia Minh</i>                                | 3.750.000.000         | -                    | 7.625.490.000         | -                  |
| <i>Cao Xuân Vương</i>                                 | 3.500.000.000         | -                    | 3.500.000.000         | -                  |
| <i>Đoàn Năng Tuấn</i>                                 | -                     | -                    | 9.000.000.000         | -                  |
| <i>Nguyễn Gia Khoa</i>                                | -                     | -                    | 9.000.000.000         | -                  |
| <i>Vũ Tuấn Hoàng</i>                                  | -                     | -                    | 10.000.000.000        | -                  |
| - Ký cược, ký quỹ                                     | 10.000.000.000        | -                    | -                     | -                  |
| - Ông Nguyễn Tiến                                     | 28.817.500.000        | -                    | 28.817.500.000        | -                  |
| - Tiền gửi chứng khoán SME                            | 1.792.486             | (1.792.486)          | 1.792.486             | (1.792.486)        |
| - Công ty Cổ phần khoáng sản đầu tư dầu khí Điện Biên | 200.000.000           | (200.000.000)        | -                     | -                  |
|   | <b>53.903.570.160</b> | <b>(201.792.486)</b> | <b>78.494.782.486</b> | <b>(1.792.486)</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN**

Số 115, tổ 5 đường Láng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

|  | 30/06/2016             |                 | 01/01/2016            |                 |
|--|------------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
|  | Giá trị<br>VND         | Dự phòng<br>VND | Giá trị<br>VND        | Dự phòng<br>VND |
| <b>b) Dài hạn</b>  |                        |                 |                       |                 |
| - Ký cược, ký quỹ  | 210.000.000            | -               | -                     | -               |
| - Góp vốn thực hiện Hợp đồng hợp tác kinh doanh<br><i>Dự án Khu nhà ở, dịch vụ thương mại và văn phòng làm việc tại phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội (1)</i> | 228.665.550.000        | -               | 54.118.550.000        | -               |
| <i>Dự án Trạm bơm Đông Mỹ (2)</i>  | 30.665.550.000         | -               | 25.918.550.000        | -               |
| <i>Dự án Khu nhà ở phía Tây sông Nậm Rốm - Phường Thanh Bình và Khu nhà ở phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên (3)</i>                            | 13.000.000.000         | -               | 13.000.000.000        | -               |
| <i>Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản dầu khí Điện Biên</i>   | 185.000.000.000        | -               | 15.000.000.000        | -               |
|  | -                      | -               | 200.000.000           | -               |
|  | <b>228.875.550.000</b> | -               | <b>54.118.550.000</b> | -               |

**Thông tin chi tiết liên quan đến các hợp đồng Hợp tác kinh doanh:**

- (1) Đây là khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 18/2009/HĐHTKD ngày 25 tháng 05 năm 2009 về việc hợp tác đầu tư, quản lý, khai thác và kinh doanh dự án khu nhà ở, dịch vụ thương mại và văn phòng làm việc tại Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội. Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh này, Công ty Cổ phần Tài Nguyên cùng với 3 đối tác khác sẽ cùng góp vốn và quản lý dự án nêu trên. Tỷ lệ vốn góp của mỗi đối tác là 25%. Lợi nhuận (hoặc lỗ) được phân chia theo tỷ lệ vốn góp.
- (2) Đây là khoản tiền mà Công ty chuyển cho Công ty TNHH Sản xuất và Xây dựng Trường Xuân theo Biên bản thỏa thuận ngày 15 tháng 11 năm 2010 giữa Công ty với Công ty TNHH Sản xuất và Xây dựng Trường Xuân về việc hai bên cùng nhau hợp tác xin đầu tư Dự án xây dựng Công trình trạm bơm tiêu úng Đông Mỹ, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Tỷ lệ tham gia của Công ty vào dự án là 12,5%. Công ty nhất trí để Công ty TNHH Sản xuất và Xây dựng Trường Xuân đứng ra làm đại diện cho hai bên trực tiếp làm việc với các cơ quan chức năng của Nhà nước, thực hiện các thủ tục xin tham gia đầu tư Dự án nêu trên.
- (3) Bao gồm 02 khoản góp vốn theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh sau:
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 07/HĐHTKD/2013 giữa Công ty Cổ phần Tài Nguyên và Công ty Cổ phần Xây dựng Tài Nguyên Hà Nội ký ngày 02 tháng 08 năm 2013, Công ty Cổ phần Tài Nguyên góp 15 tỷ đồng để hai bên cùng triển khai Dự án Khu nhà ở phía Tây sông Nậm Rốm - phường Thanh Bình và Khu nhà ở tại phường Tân Thanh - thành phố Điện Biên Phủ - tỉnh Điện Biên theo tỷ lệ được quy định tại hợp đồng số 01/HĐHTKD/2012 giữa Công ty Cổ phần Xây dựng Tài Nguyên Hà Nội và Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và công nghệ môi trường tỉnh Điện Biên.
  - Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 05/HĐHTKD/2015 giữa Công ty Cổ phần Tài Nguyên và Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và công nghệ môi trường tỉnh Điện Biên ký ngày 12/08/2015, Công ty Cổ phần Tài Nguyên góp 170 tỷ đồng để hai bên cùng triển khai thực hiện Dự án Khu nhà ở phía Tây sông Nậm Rốm - phường Thanh Bình và Khu nhà ở tại phường Tân Thanh - thành phố Điện Biên Phủ - tỉnh Điện Biên. Hai bên thống nhất sẽ chia sản phẩm hoặc (và) lợi nhuận của dự án này tùy thuộc vào khả năng nào có lợi nhất, theo đó Công ty Cổ phần Tài Nguyên được chia 65% hoặc tỷ lệ nhỏ hơn tùy thuộc tỷ lệ góp vốn thỏa thuận và đã thực hiện trên tổng số các lợi ích thu được từ Dự án này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN**

Số 115, tổ 5 đường Láng, phường Láng Hạ,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**8 . NỢ XẤU**

|   | 30/06/2016            |                        | 01/01/2016            |                        |
|---|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
|   | Giá gốc               | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc               | Giá trị có thể thu hồi |
|   | VND                   | VND                    | VND                   | VND                    |
| Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi |                       |                        |                       |                        |
| - Công ty TNHH Long Phát (*)  | 20.700.000.000        | 20.700.000.000         | 24.700.000.000        | 24.700.000.000         |
| - Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Phát triển và Xây dựng  | -                     | -                      | 455.000.000           | 227.500.000            |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư BĐS và Kiểm định Xây dựng  | 175.000.000           | -                      | 175.000.000           | -                      |
| - Liên đoàn Bản đồ Địa chất Miền Bắc  | 100.000.000           | -                      | 100.000.000           | -                      |
| - Công ty Cổ phần Chứng khoán SME   | 25.000.000            | -                      | 25.000.000            | -                      |
| - Công ty Cổ phần khoáng sản đầu tư dầu khí Điện Biên   | 200.000.000           | -                      | -                     | -                      |
| - Công ty Cổ phần Chứng khoán SME - Chi nhánh Hồ Chí Minh   | 1.792.486             | -                      | 1.792.486             | -                      |
|   | <b>21.201.792.486</b> | <b>20.700.000.000</b>  | <b>25.456.792.486</b> | <b>24.927.500.000</b>  |

(\*) Giá trị có thể thu hồi được tính bằng chênh lệch giá gốc khoản phải thu trừ đi giá trị đã trích lập dự phòng. Ngoại trừ khoản phải thu Công ty TNHH Long Phát, Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định vẫn có khả năng thu hồi và đã thu được một phần trong kỳ.

**9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

|   | 30/06/2016           | 01/01/2016 |
|---|----------------------|------------|
|   | VND                  | VND        |
| - Dự án Bất động sản tại huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình (*) | 1.380.823.636        | -          |
|   | <b>1.380.823.636</b> | <b>-</b>   |

(\*) Ngày 25/9/2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình đã có Văn bản số 1215/UBND-NNTN chấm dứt hiệu lực văn bản chủ trương cho phép nghiên cứu, khảo sát dự án Khu nhà ở, khu dân cư, khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng của Công ty Cổ phần Tài Nguyên. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang làm việc với các cơ quan chức năng về vấn đề tiếp tục thực hiện dự án, đánh giá tổn thất (nếu có) và dự kiến xử lý các vấn đề liên quan đến dự án này vào Quý III/2016.

**10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

|  | 30/06/2016         | 01/01/2016 |
|--|--------------------|------------|
|  | VND                | VND        |
| Chi phí thiết kế và hoàn thiện văn phòng | 98.792.483         | -          |
| Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ      | 4.453.636          | -          |
|  | <b>103.246.119</b> | <b>-</b>   |

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN**

Số 115, tổ 5 đường Láng, phường Láng Hạ,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

|   | 30/06/2016             |                              | 01/01/2016            |                              |
|---|------------------------|------------------------------|-----------------------|------------------------------|
|   | Giá trị<br>VND         | Số có khả năng trả nợ<br>VND | Giá trị<br>VND        | Số có khả năng trả nợ<br>VND |
| <b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b> |                        |                              |                       |                              |
| - Công ty Cổ phần Láng Đá Sài Gòn                                 | 45.786.964.104         | 45.786.964.104               | -                     | -                            |
| - Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Lan Anh Hoa<br>Cương           | 16.694.030.517         | 16.694.030.517               | -                     | -                            |
| - Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Trung Tín                   | 6.554.674.500          | 6.554.674.500                | 6.554.674.500         | 6.554.674.500                |
| - Công ty TNHH Minh Thủy  | 6.459.283.654          | 6.459.283.654                | 6.459.283.654         | 6.459.283.654                |
| - Công ty TNHH một thành viên Nguyễn Tuyên                        | -                      | -                            | 7.516.682.097         | 7.516.682.097                |
| - Công ty TNHH Kim Kim Dung 2                                     | 34.942.930.000         | 34.942.930.000               | 34.942.930.000        | 34.942.930.000               |
| - Phải trả các đối tượng khác                                     | 14.198.185.736         | 14.198.185.736               | 12.203.270.105        | 12.203.270.105               |
|   | <b>124.636.068.511</b> | <b>124.636.068.511</b>       | <b>67.676.840.356</b> | <b>67.676.840.356</b>        |

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN**

Số 115, tổ 5 đường Láng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

|  | Số phải thu đầu năm |                    | Số phải nộp đầu năm |                   | Số phải nộp trong kỳ |                    | Số đã thực nộp trong kỳ |                    | Số phải thu cuối kỳ |                  | Số phải nộp cuối kỳ |                  |
|--|---------------------|--------------------|---------------------|-------------------|----------------------|--------------------|-------------------------|--------------------|---------------------|------------------|---------------------|------------------|
|  | VND                 | VND                | VND                 | VND               | VND                  | VND                | VND                     | VND                | VND                 | VND              | VND                 | VND              |
| Thuế Giá trị gia tăng                  | -                   | 266.517.127        | 373.300.077         | 32.336.480        | -                    | 607.480.724        | -                       | 607.480.724        | -                   | -                | 607.480.724         | -                |
| Thuế Thu nhập doanh nghiệp             | 5.827.442           | 70.490.904         | -                   | -                 | -                    | 70.490.904         | 5.827.442               | 70.490.904         | 5.827.442           | 5.827.442        | 70.490.904          | 5.827.442        |
| Thuế Thu nhập cá nhân                  | -                   | 63.445.430         | 20.913.158          | 59.056.139        | -                    | 25.302.449         | -                       | 25.302.449         | -                   | -                | 25.302.449          | -                |
| Các loại thuế khác                     | -                   | 132.714.589        | 7.000.000           | 7.000.000         | -                    | 132.714.589        | -                       | 132.714.589        | -                   | -                | 132.714.589         | -                |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | -                   | 25.972.518         | 1.400.000           | 1.400.000         | -                    | 25.972.518         | -                       | 25.972.518         | -                   | -                | 25.972.518          | -                |
|  | <b>5.827.442</b>    | <b>559.140.568</b> | <b>402.613.235</b>  | <b>99.792.619</b> | <b>5.827.442</b>     | <b>861.961.184</b> | <b>5.827.442</b>        | <b>861.961.184</b> | <b>5.827.442</b>    | <b>5.827.442</b> | <b>861.961.184</b>  | <b>5.827.442</b> |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

|  | 30/06/2016           |                    | 01/01/2016         |                    |
|--|----------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
|  | VND                  | VND                | VND                | VND                |
| - Chi phí khảo sát đo đạc địa hình và lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 cho dự án BĐS tại huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình (*) | 1.380.823.636        | -                  | -                  | -                  |
| - Trích trước chi phí khác chưa có hóa đơn   | 173.626.439          | 375.000.000        | 375.000.000        | 375.000.000        |
|  | <b>1.554.450.075</b> | <b>375.000.000</b> | <b>375.000.000</b> | <b>375.000.000</b> |

(\*) Ngày 25/9/2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình đã có Văn bản số 1215/UBND-NNTN chấm dứt hiệu lực văn bản chủ trương cho phép nghiên cứu, khảo sát dự án Khu nhà ở, khu dân cư, khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng của Công ty Cổ phần Tài Nguyên. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang làm việc với các cơ quan chức năng về vấn đề tiếp tục thực hiện dự án, đánh giá tồn thất (nếu có) và dự kiến xử lý các vấn đề liên quan đến dự án vào Quý III/2016.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN**Số 115, tổ 5 đường Láng, phường Láng Hạ,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**14 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN**

|  | 30/06/2016                   | 01/01/2016                   |
|--|------------------------------|------------------------------|
|  | VND                          | VND                          |
| - Kinh phí công đoàn                                     | 13.976.987                   | 7.692.767                    |
| - Bảo hiểm xã hội  | 1.145.684.830                | 1.080.407.070                |
| - Bảo hiểm y tế  | 219.345.630                  | 199.393.710                  |
| - Bảo hiểm thất nghiệp                                   | 96.405.820                   | 87.538.300                   |
| - Phạt chậm nộp Bảo hiểm xã hội                          | 196.028.337                  | 196.028.337                  |
| - Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn                          | 10.000.000.000               | 22.600.000.000               |
| <i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hải Vân (1)</i>    | <i>10.000.000.000</i>        | <i>10.000.000.000</i>        |
| <i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN</i>          | <i>-</i>                     | <i>12.600.000.000</i>        |
| - Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Toàn cầu DATC (2) | 250.000.000                  | 250.000.000                  |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác                      | 19.921.181                   | 19.921.181                   |
|  | <b><u>11.941.362.785</u></b> | <b><u>24.440.981.365</u></b> |

- (1) Khoản phải trả còn lại theo Biên bản đối chiếu công nợ và tiến độ thanh toán ngày 15/06/2016 giữa Công ty Cổ phần Tài Nguyên và Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hải Vân để thanh lý Hợp đồng vay tiền số 2711/2009/HĐVT ký ngày 27 tháng 11 năm 2009 về việc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Vân cho Công ty Cổ phần Tài Nguyên vay vốn. Theo đó Công ty Cổ phần Tài Nguyên sẽ thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Vân số tiền là 11 tỷ đồng được chia làm nhiều kỳ, bắt đầu từ ngày 30/06/2016 và kết thúc vào ngày 28/02/2017. Tính đến thời điểm 30/06/2016, Công ty Cổ phần Tài Nguyên đã thanh toán kỳ đầu tiên đúng lộ trình.
- (2) Khoản phải trả Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Toàn cầu DATC trước đây là khoản nhận vốn góp theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 18/2012/HĐ-HTĐT ngày 09 tháng 02 năm 2012 cùng thực hiện dự án Khu nhà ở, khu dân cư, khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng tại huyện Lương Sơn - tỉnh Hòa Bình và không thành lập pháp nhân mới. Tuy nhiên đến thời điểm 30/06/2016, Hai bên đã tiến hành thanh lý hợp đồng chấm dứt việc hợp tác đầu tư theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 18/2012/HĐ-HTĐT ngày 09 tháng 02 năm 2012.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN**

Số 115, tổ 5 đường Láng, phường Láng Hạ,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

|                           | Vốn đầu tư của chủ sở hữu |  | Thặng dư vốn cổ phần |  | Lợi nhuận chưa phân phối |  | Lợi ích cổ đông không kiểm soát |  | Cộng            |  |
|---------------------------|---------------------------|--|----------------------|--|--------------------------|--|---------------------------------|--|-----------------|--|
|                           | VND                       |  | VND                  |  | VND                      |  | VND                             |  | VND             |  |
| Số dư đầu năm trước       | 85.000.000.000            |  | 2.165.000.000        |  | 130.328.068              |  | 5.658.136.648                   |  | 92.953.464.716  |  |
| Lãi trong kỳ trước        | -                         |  | -                    |  | 1.347.475.653            |  | 87.007.060                      |  | 1.434.482.713   |  |
| Số dư cuối kỳ trước       | 85.000.000.000            |  | 2.165.000.000        |  | 1.477.803.721            |  | 5.745.143.708                   |  | 94.387.947.429  |  |
| Số dư đầu năm nay         | 85.000.000.000            |  | 2.165.000.000        |  | 7.243.018.658            |  | 5.728.679.340                   |  | 100.136.697.998 |  |
| Tăng vốn trong kỳ này (*) | 170.000.000.000           |  | (146.000.000)        |  | -                        |  | -                               |  | 169.854.000.000 |  |
| Lãi trong kỳ này          | -                         |  | -                    |  | 2.211.167.042            |  | (22.726.200)                    |  | 2.188.440.842   |  |
| Điều chỉnh khác           | -                         |  | -                    |  | 47.124.649               |  | (47.124.649)                    |  | -               |  |
| Số dư cuối kỳ này         | 255.000.000.000           |  | 2.019.000.000        |  | 9.501.310.349            |  | 5.658.828.491                   |  | 272.179.138.840 |  |

(\*) Trong kỳ Công ty đã phát hành thành công 17.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ từ 85 tỷ đồng lên 255 tỷ đồng theo Nghị quyết số 02/2015/NQ-DHDCD ngày 12/08/2015 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015. Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành trên là 169.854.000.000 đồng trong đó vốn góp theo mệnh giá là 170.000.000.000 đồng và thặng dư vốn cổ phần là (146.000.000) đồng.

Tính đến thời điểm 30/06/2016, toàn bộ số tiền huy động vốn theo mệnh giá là 170.000.000.000 đồng đã được sử dụng để góp vốn hợp tác đầu tư dự án với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ môi trường tỉnh Điện Biên.





**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN**Số 115, tổ 5 đường Láng, phường Láng Hạ,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

|                       | Tỷ lệ (%)   | Cuối kỳ VND            | Tỷ lệ (%)   | Đầu kỳ VND            |
|-----------------------|-------------|------------------------|-------------|-----------------------|
| - Ông Nguyễn Gia Long | 5,98%       | 15.260.000.000         | 6,19%       | 5.260.000.000         |
| - Các cổ đông khác    | 94,02%      | 239.740.000.000        | 93,81%      | 79.740.000.000        |
|                       | <b>100%</b> | <b>255.000.000.000</b> | <b>100%</b> | <b>85.000.000.000</b> |

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

|                                | 6 tháng đầu năm 2016 VND | 6 tháng đầu năm 2015 VND |
|--------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu      | 255.000.000.000          | 85.000.000.000           |
| - <i>Vốn góp đầu kỳ</i>        | 85.000.000.000           | 85.000.000.000           |
| - <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i> | 170.000.000.000          | -                        |
| - <i>Vốn góp cuối kỳ</i>       | 255.000.000.000          | 85.000.000.000           |

**d) Cổ phiếu**

|  | 30/06/2016 | 01/01/2016 |
|--|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 25.500.000 | 8.500.000  |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 25.500.000 | 8.500.000  |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>            | 25.500.000 | 8.500.000  |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 25.500.000 | 8.500.000  |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>            | 25.500.000 | 8.500.000  |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)  | 10.000     | 10.000     |

**16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

|                        | 6 tháng đầu năm 2016 VND | 6 tháng đầu năm 2015 VND |
|------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa | 71.510.009.414           | 67.486.657.320           |
|                        | <b>71.510.009.414</b>    | <b>67.486.657.320</b>    |

**17 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

|                             | 6 tháng đầu năm 2016 VND | 6 tháng đầu năm 2015 VND |
|-----------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 67.140.227.503           | 67.172.305.238           |
|                             | <b>67.140.227.503</b>    | <b>67.172.305.238</b>    |

**18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

|                           | 6 tháng đầu năm 2016 VND | 6 tháng đầu năm 2015 VND |
|---------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Lãi tiền gửi, lãi cho vay | 21.829.976               | 122.733                  |
|                           | <b>21.829.976</b>        | <b>122.733</b>           |

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN**Số 115, tổ 5 đường Láng, phường Láng Hạ,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**19 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

|                               | 6 tháng đầu năm<br>2016 | 6 tháng đầu năm<br>2015 |
|-------------------------------|-------------------------|-------------------------|
|                               | VND                     | VND                     |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 2.402.000               | 294.242.850             |
| Chi phí nhân công             | 747.010.808             | -                       |
| Thuế, phí, lệ phí             | 7.000.000               | -                       |
| Hoàn nhập dự phòng            | (27.500.000)            | (1.848.207.514)         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài     | 372.351.725             | -                       |
| Chi phí khác bằng tiền        | 62.157.869              | 150.736.782             |
|                               | <b>1.163.422.402</b>    | <b>(1.403.227.882)</b>  |

**20 . CHI PHÍ KHÁC**

|  | 6 tháng đầu năm<br>2016 | 6 tháng đầu năm<br>2015 |
|--|-------------------------|-------------------------|
|  | VND                     | VND                     |
| Các khoản phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm                     | 18.354.178              | 265.456.712             |
| Khoản phải trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hải Vân | 1.000.000.000           | -                       |
|  | <b>1.018.354.178</b>    | <b>265.456.712</b>      |

**21 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

|  | 6 tháng đầu năm<br>2016 | 6 tháng đầu năm<br>2015 |
|--|-------------------------|-------------------------|
|  | VND                     | VND                     |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                        | 2.188.440.842           | 1.452.245.985           |
| Thu nhập tính thuế TNDN                                  | 2.188.440.842           | 1.452.245.985           |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành                              | -                       | 17.763.272              |
| - Công ty Cổ phần Tài Nguyên                             | -                       | -                       |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Tài Nguyên   | -                       | 17.763.272              |
| <b>Tổng Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b> | <b>-</b>                | <b>17.763.272</b>       |

**22 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

|  | 6 tháng đầu năm<br>2016 | 6 tháng đầu năm<br>2015 |
|--|-------------------------|-------------------------|
|  | VND                     | VND                     |
| Lợi nhuận sau thuế                             | 2.211.167.042           | 1.347.475.653           |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông       | 2.211.167.042           | 1.347.475.653           |
| Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ | 22.588.398              | 8.500.000               |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                | <b>98</b>               | <b>159</b>              |

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN**Số 115, tổ 5 đường Láng, phường Láng Hạ,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**23 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

|                               | 6 tháng đầu năm<br>2016 | 6 tháng đầu năm<br>2015 |
|-------------------------------|-------------------------|-------------------------|
|                               | VND                     | VND                     |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 2.402.000               | -                       |
| Chi phí nhân công             | 747.010.808             | 294.242.850             |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài     | 372.351.752             | 110.000.000             |
| Chi phí khác bằng tiền        | 69.157.869              | 40.736.782              |
|                               | <b>1.190.922.429</b>    | <b>444.979.632</b>      |

**24 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

|                                    | Giá trị sổ kế toán     |                      |                        |                    |
|------------------------------------|------------------------|----------------------|------------------------|--------------------|
|                                    | 30/06/2016             |                      | 01/01/2016             |                    |
|                                    | Giá gốc<br>VND         | Dự phòng<br>VND      | Giá gốc<br>VND         | Dự phòng<br>VND    |
| <b>Tài sản tài chính</b>           |                        |                      |                        |                    |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 3.418.720.915          | -                    | 1.032.261.797          | -                  |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 375.410.521.614        | (201.792.486)        | 161.694.349.584        | (1.792.486)        |
| Đầu tư dài hạn                     | 28.080.000.000         | -                    | 28.080.000.000         | -                  |
|                                    | <b>406.909.242.529</b> | <b>(201.792.486)</b> | <b>190.806.611.381</b> | <b>(1.792.486)</b> |

**Nợ phải trả tài chính**

|                                   | Giá trị sổ kế toán     |                       |
|-----------------------------------|------------------------|-----------------------|
|                                   | 30/06/2016<br>VND      | 01/01/2016<br>VND     |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 136.577.431.296        | 92.117.821.721        |
| Chi phí phải trả                  | 1.554.450.075          | 375.000.000           |
|                                   | <b>138.131.881.371</b> | <b>92.492.821.721</b> |

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

1105 - C  
CÔNG TY  
KIỂM HỮU H  
KIỂM TỐ  
ASC  
KIỂM - TP

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN**Số 115, tổ 5 đường Láng, phường Láng Hạ,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

|                                       | Từ 1 năm<br>trở xuống  | Trên 1 năm<br>đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng                   |
|---------------------------------------|------------------------|-------------------------|------------|------------------------|
|                                       | VND                    | VND                     | VND        | VND                    |
| <b>Tại ngày 30/06/2016</b>            |                        |                         |            |                        |
| Tiền và các khoản<br>tương đương tiền | 3.418.720.915          | -                       | -          | 3.418.720.915          |
| Phải thu khách<br>hàng, phải thu khác | 146.333.179.128        | 228.875.550.000         | -          | 375.208.729.128        |
| Đầu tư dài hạn                        | 28.080.000.000         | -                       | -          | 28.080.000.000         |
|                                       | <b>177.831.900.043</b> | <b>228.875.550.000</b>  | <b>-</b>   | <b>406.707.450.043</b> |
| <b>Tại ngày 01/01/2016</b>            |                        |                         |            |                        |
| Tiền và các khoản<br>tương đương tiền | 1.032.261.797          | -                       | -          | 1.032.261.797          |
| Phải thu khách<br>hàng, phải thu khác | 107.574.007.098        | 54.118.550.000          | -          | 161.692.557.098        |
| Đầu tư dài hạn                        | 28.080.000.000         | -                       | -          | 28.080.000.000         |
|                                       | <b>136.686.268.895</b> | <b>54.118.550.000</b>   | <b>-</b>   | <b>190.804.818.895</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN**Số 115, tổ 5 đường Láng, phường Láng Hạ,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

|                                      | Từ 1 năm<br>trở xuống<br>VND | Trên 1 năm<br>đến 5 năm<br>VND | Trên 5 năm<br>VND | Tổng<br>VND            |
|--------------------------------------|------------------------------|--------------------------------|-------------------|------------------------|
| <b>Tại ngày 30/06/2016</b>           |                              |                                |                   |                        |
| Phải trả người bán,<br>phải trả khác | 136.577.431.296              | -                              | -                 | 136.577.431.296        |
| Chi phí phải trả                     | 1.554.450.075                | -                              | -                 | 1.554.450.075          |
|                                      | <u>138.131.881.371</u>       | <u>-</u>                       | <u>-</u>          | <u>138.131.881.371</u> |
| <b>Tại ngày 01/01/2016</b>           |                              |                                |                   |                        |
| Phải trả người bán,<br>phải trả khác | 92.117.821.721               | -                              | -                 | 92.117.821.721         |
| Chi phí phải trả                     | 375.000.000                  | -                              | -                 | 375.000.000            |
|                                      | <u>92.492.821.721</u>        | <u>-</u>                       | <u>-</u>          | <u>92.492.821.721</u>  |

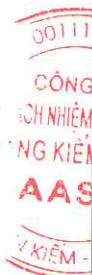
Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**26 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong kỳ là kinh doanh Vật liệu xây dựng và Đá Granite và diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN**Số 115, tổ 5 đường Láng, phường Láng Hạ,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**27 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

|                 | Mối quan hệ     | 30/06/2016            | 01/01/2016            |
|-----------------|-----------------|-----------------------|-----------------------|
|                 |                 | VND                   | VND                   |
| <b>Tạm ứng</b>  |                 | <b>11.375.490.000</b> | <b>46.175.490.000</b> |
| Nguyễn Bá Huân  | Thành viên HĐQT | 7.625.490.000         | 10.550.000.000        |
| Nguyễn Gia Minh | Thành viên HĐQT | 3.750.000.000         | 7.625.490.000         |
| Đoàn Năng Tuấn  | Thành viên HĐQT | -                     | 9.000.000.000         |
| Nguyễn Gia Khoa | Thành viên HĐQT | -                     | 9.000.000.000         |
| Vũ Tuấn Hoàng   | Tổng Giám đốc   | -                     | 10.000.000.000        |

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

|   | 6 tháng đầu năm | 6 tháng đầu năm |
|---|-----------------|-----------------|
|   | 2016            | 2015            |
|   | VND             | VND             |
| Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị | 405.611.675     | 84.000.000      |

**28 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế soát xét.

Vũ Thị Hồng Nhung  
Người lậpVũ Thị Hồng Nhung  
Kế toán trưởng  
Vũ Tuấn Hoàng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2016